

Số: 21 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thực hiện Quyết định số 24/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, ngày 17/01/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 22/01/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200344752, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/3/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/3/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

- Điện thoại giao dịch: 0225 3836692;

Fax: 0225 3836155.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tài khoản số 1031000666868 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hải Phòng.

- Doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 708 người, trong đó có 429 lao động nữ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp thực hiện đăng thông tin tuyển dụng qua các trang mạng xã hội và niêm yết thông báo tại bảng tin của doanh nghiệp. Phòng vấn trực tiếp người ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không thực hiện đào tạo nghề cho người lao động, không ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề với người học nghề, tập nghề.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 01 người (Tổng giám đốc).

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 695 người. Doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động đối với 695 người, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 488 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 207 người.

- Số người lao động đang thử việc: 12 người. Doanh nghiệp đã ký hợp đồng thử việc và áp dụng thời gian thử việc theo quy định.

- Doanh nghiệp không sử dụng người lao động thuê lại.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Kiểm tra xác suất 05 hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Quốc Tuấn, Đào Thị Tuyền, Phùng Hoài Giang, Đỗ Thị Kim Ngân): mục địa điểm làm việc ghi “tại các trụ sở, các chi nhánh và các địa bàn hoạt động của công ty trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam”; mục công việc phải làm ghi “công nhân” hoặc công nhân sản xuất”; mục phụ cấp lương ghi “theo quy định tại quy chế trả lương và các văn bản nội bộ khác có liên quan của công ty”.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 188 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 04 người lao động đủ điều kiện hưởng với số tiền là 161.787.600 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, đã tổ chức đối thoại đột xuất khi có yêu cầu.

- Đã ký kết thoả ước lao động tập thể.

- Đã thực hiện theo các nội dung đã thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp.

- Đã gửi thoả ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 208/2021/QĐ-ĐHHL ngày 25/11/2021 của Tổng Giám đốc doanh nghiệp.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng là 4.680.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân:

+ Thu nhập thấp nhất: 5.007.000 đồng/người/tháng.

+ Thu nhập cao nhất: 92.242.000 đồng/người/tháng.

+ Thu nhập bình quân: 9.250.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trả lương qua tài khoản của người lao động được mở tại ngân hàng thương mại, người lao động không phải trả các chi phí liên quan đến việc mở và duy trì tài khoản.

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian đối với bộ phận văn phòng, theo sản phẩm đối với bộ phận sản xuất.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động do thôi việc.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh người lao động ngừng việc; không thực hiện xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, khấu trừ tiền lương người lao động.

- Doanh nghiệp chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 27.000 đồng/người/ngày, thanh toán tiền ăn ca cùng với kỳ trả lương hằng tháng.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần đối với khối văn phòng (làm việc theo giờ hành chính); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận sản xuất (làm việc theo ca sản xuất).

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ hằng tuần, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng. Nội quy lao động có nội dung không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Điểm p khoản 2 Điều 53 quy định: “người lao động gian dối trong quá trình tuyển dụng để được vào làm việc tại Công ty” bị kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng.

+ Điểm s khoản 2 Điều 53 quy định: “người lao động biểu tình hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào” bị kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng.

+ Điểm p khoản 2 Điều 54 quy định: “người lao động giữ chức vụ quản lý gian dối trong quá trình tuyển dụng để được vào làm việc tại Công ty” bị kỷ luật cách chức.

+ Điểm s khoản 2 Điều 54 quy định: “người lao động giữ chức vụ quản lý biểu tình hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào” bị kỷ luật cách chức.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 429 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương; lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật.

8.3. Đối với người lao động cao tuổi

- Tổng số người lao động cao tuổi: 04 người (Hồ Văn Đoạt, Nguyễn Trung Cường, Đỗ Bích Loan và Trần Thị Nữu).

- Doanh nghiệp thỏa thuận với người lao động cao tuổi tại hợp đồng lao động đã giao kết về thời gian làm việc không quá 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã thống kê 21 người (làm việc thường xuyên trong hầm, kho lạnh; vận hành nồi hơi; vận hành, sửa chữa, máy lạnh, hệ thống lạnh) là lao động làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không có lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chưa thống kê đầy đủ số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động: đã thống kê 56 người lao động làm công việc liên quan tới điện, cơ khí, máy tiện, thiết bị áp lực, xe nâng hàng; chưa thống kê 04 lao động làm việc vận hành máy in, máy nghiền, xay (Bùi Văn Hiếu, Trần Văn Tư, Lê Tùng Bách, Vũ Ngọc Báu).

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ nội dung theo quy định.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh gồm 14 người theo quyết định số 236/2016/QĐ-ĐHHL ngày 20/6/2016 của Tổng giám đốc.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 39 người theo quyết định số 65/2022/QĐ-ĐHHL ngày 30/3/2022 của Tổng giám đốc.

- Đã bố trí 01 người (ông Phạm Duy Tấn) làm chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo Quyết định số 250/QĐ-2022 ngày 03/11/2022 của Tổng giám đốc.

- Đã bố trí 01 người làm công tác y tế là ông Nguyễn Trung Cương có trình độ trung cấp y là chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 25 máy, thiết bị (01 nồi hơi, 01 xe nâng hàng, 03 hệ thống lạnh, 20 bình chịu áp lực) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho: 16 người nhóm 1, 1 người nhóm 2, 56 người nhóm 3 (điện cơ khí, tiện, máy lạnh, thiết bị áp lực); 595 người nhóm 4; 01 người nhóm 5 và 39 người nhóm 6; chưa thực hiện huấn luyện nhóm 3 và cấp thẻ an toàn lao động đối với 04 người (Bùi Văn Hiếu, Trần Văn Tư, Lê Tùng Bách, Vũ Ngọc Báu) làm công việc vận hành các máy in, máy nghiền, xay (đã được huấn luyện nhóm 4).

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho 21 người lao động với mức 13.000 đồng/người/ ngày làm việc.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp xảy ra 02 vụ tai nạn lao động, trong đó:

+ Tai nạn lao động nhẹ: 0 vụ.

+ Tai nạn lao động nặng: 02 vụ làm 02 người bị thương nặng.

+ Tai nạn lao động chết người: 0 vụ.

- Doanh nghiệp đã thực hiện điều tra 02 vụ tai nạn lao động. Tuy nhiên, việc điều tra tai nạn lao động chưa đúng quy định, cụ thể:

+ Thành phần Đoàn điều tra thiếu người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế;

+ Thành phần cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động thiếu người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn;

+ Biên bản điều tra tai nạn lao động chưa đề cập hết diễn biến vụ tai nạn lao động (chưa đề cập đến hướng dẫn quy trình vận hành máy, thiết bị, việc kiểm tra, giám sát người lao động trong quá trình làm việc, việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động), đã kết luận nguyên nhân vụ tai nạn lao động là do lỗi của người lao động.

- Doanh nghiệp đã làm thủ tục cho 02 người lao động bị tai nạn lao động đi giám định sức khỏe.

- Người lao động đã được bố trí trở lại làm việc bình thường.

- Việc thực hiện các chế độ đối với người bị tai nạn lao động: doanh nghiệp đã thực hiện các chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động với tổng số tiền 34.676.000 đồng, trong đó chi phí y tế là 23.887.000 đồng và tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động phải nghỉ theo chỉ định của bác sỹ là 10.789.000 đồng.

- Ngày 10/8/2023, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động (đã đo tổng số 111 mẫu và đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được khám ít nhất 6 tháng một lần. Tuy nhiên, 04 người lao động cao tuổi chưa được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng/ lần.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người lao động theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 692 người.

+ Số người đã tham gia: 692 người.

+ Số người chưa tham gia: 00 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 16 người lao động (04 người lao động cao tuổi đang hưởng chế độ hưu trí và 12 người đang trong thời gian thử việc). Doanh nghiệp đã trả khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 04 người lao động cao tuổi.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 12/2023: 1.301.836.895 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã đăng thông tin tuyển dụng; không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.

1.6. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã ký thỏa ước lao động tập thể và thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.11. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết cho người lao động theo quy định.

1.12. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.13. Đã chi tiền ăn ca cho người lao động với mức mức 27.000 đồng/người/ngày.

1.14. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động.

1.15. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.16. Doanh nghiệp sử dụng 429 người lao động nữ và đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.17. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.18. Đã thống kê 21 người làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.19. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.20. Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh, mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.21. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

1.22. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.23. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.24. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.25. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.26. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.27. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.28. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Quốc Tuấn, Đào Thị Tuyên, Phùng Hoài Giang, Đỗ Thị Kim Ngân) chưa thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết: mục địa điểm làm việc ghi “tại các trụ sở, các chi nhánh và các địa bàn hoạt động của công ty trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam”; mục công việc phải làm ghi “công nhân” hoặc công nhân sản xuất; mục phụ cấp lương ghi “theo quy định tại quy chế trả lương và các văn bản nội bộ khác có liên quan của công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Nội quy lao động có nội dung không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể:

- Điểm p khoản 2 Điều 53 quy định: “người lao động gian dối trong quá trình tuyển dụng để được vào làm việc tại Công ty” bị kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng là không đúng với quy định tại Điều 117, Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Điểm s khoản 2 Điều 53 quy định: “người lao động biểu tình hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào” bị kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng là không đúng vì hành vi này không thuộc quan hệ lao động quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động.

- Điểm p khoản 2 Điều 54 quy định: “người lao động giữ chức vụ quản lý gian dối trong quá trình tuyển dụng để được vào làm việc tại Công ty” bị kỷ luật cách chức là không đúng với quy định tại Điều 117, Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Điểm s khoản 2 Điều 54 quy định: “người lao động giữ chức vụ quản lý biểu tình hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào” bị kỷ luật cách chức là không đúng vì hành vi này không thuộc quan hệ lao động quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động.

2.3. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa thực hiện khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần cho 04 người lao động cao tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.5. Chưa thống kê đầy đủ số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (thiếu 04 người lao động làm công việc vận hành máy in, máy nghiền, xay) theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTXXBH ngày 20/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Bố trí cán bộ làm công tác y tế chưa đủ điều kiện bảo đảm bộ phận y tế tại doanh nghiệp (đã bố trí ông Nguyễn Trung Cương có trình độ trung cấp y) theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.7. Chưa thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn lao động đối với 04 người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.8. Thành lập đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở không đủ thành phần (thiếu người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không đủ thành phần (không có người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn) theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.10. Biên bản điều tra tai nạn lao động chưa đề cập hết diễn biến vụ tai nạn lao động (chưa đề cập đến hướng dẫn quy trình vận hành máy, thiết bị, việc kiểm tra, giám sát người lao động trong quá trình làm việc, việc trang bị phương

tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động), đã kết luận nguyên nhân vụ tai nạn lao động là do lỗi của người lao động là chưa đúng quy trình, thủ tục điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 23/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp do đã thực hiện 03 hành vi vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt là 82.000.000 đồng, cụ thể:

- Không báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, số tiền xử phạt là 2.000.000 đồng.

- Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 72 người lao động theo quy định của pháp luật tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động, số tiền xử phạt là 40.000.000 đồng.

- Không tiến hành quan trắc môi trường lao động để kiểm soát tác hại đối với sức khỏe người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động, số tiền xử phạt là 40.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với doanh nghiệp

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1.1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 23/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính.

1.2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục ngay vi phạm nêu tại điểm 2.4, 2.5, 2.6 và 2.7.
- Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.8, 2.9 và 2.10 khi phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm số 2.1, 2.2, 2.3 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

1.3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

1.4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, doanh nghiệp báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan) gửi về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng

Thành lập đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh để điều tra lại 02 vụ tai nạn lao động xảy ra tại doanh nghiệp nêu tại khoản 10 Mục II và điểm 2.8, 2.9, 2.10 khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra này.

Báo cáo kết quả điều tra và gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/3/2023./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở LĐTBXH TP Hải Phòng (để biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

